TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Huỳnh Ngọc Sương**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trần Thị Phận**

Ông **Trần Ngọc Đức**

- Thư ký phiên toà: Ông **Lê Kim Hồ** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long: Ông **Nguyễn Hoàng Danh** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 16/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1984 (vắng mặt)
Đăng ký thường trú: tổ 4, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

Tạm trú: ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long

2. Bị đơn: Anh **Phạm Văn Minh**, sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: tổ 4, ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 14/01/2022 nguyên đơn Nguyễn Thị N trình bày:

Vào năm 2008 chị và anh Phạm Văn M qua mai mối tiến đến hôn nhân, có tổ chức hôn lễ theo phong tục tại địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Ngãi Tứ, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Nữ trang cưới có 04 chỉ vàng 24k, số vàng này vợ chồng đã bán chi tiêu hết.

Sau khi kết hôn chị và anh M sống tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long, vợ chồng sống hạnh phúc được khoảng 04 năm. Sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cự cải nhau. Vợ chồng đã nhiều lần cố gắng khuyên bảo lẫn nhau thay đổi để hàn gắn tình cảm nhưng đều không thành từ đó đời sống vợ chồng không có hạnh phúc. Hiện nay chị và anh M mỗi người đều có cuộc sống riêng không ai quan tâm đến ai.

Trong quá trình chung sống chị và anh M có một con chung là Phạm Thị Nguyệt Đ (sinh ngày 08/12/2009). Trong thời gian chung sống chị và anh M không tạo ra tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không ai thiếu nợ anh chị.

Chị Nguyễn Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn M

Về con chung: Chị N yêu cầu giải quyết cho chị được nuôi dưỡng cháu Phạm Thị Nguyệt Đ, chị N không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản: không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/3/2022 anh Phạm Văn M trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị N đã ly thân khoảng 5 – 6 năm và không còn liên lạc gì với nhau. Chị Nguyễn Thị N xin ly hôn với anh thì anh đồng ý, anh đồng ý giao con là Phạm Thị Nguyệt Đ cho nguyệt nuôi dưỡng. Về quan hệ tài sản: không có, không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh đã được Tòa án giải thích về quyền được trợ giúp pháp lý nhưng anh không có yêu cầu. Do anh bị bệnh việc đi lại gặp khó khăn nên đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt anh cho đến khi vụ án kết thúc bằng một bản án hay quyết định có hiệu lực pháp luật.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý và trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về tố tụng. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án thì nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định. Đối với bị đơn thì chưa chấp hành đúng quy định (bị đơn vắng mặt không lý do tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải ngày 02/3/2022).

Quan điểm về việc giải quyết nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N được ly hôn với anh Phạm Văn M. Về con chung tiếp tục giao cháu Phạm Thị Nguyệt Đ cho chị N nuôi dưỡng, anh M chưa phải cấp dưỡng nuôi con. Anh M được quyền tới lui thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: không tranh chấp nên không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị N nộp 300.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm, chị N được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nguyên đơn Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Văn M có nơi cư trú tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long là quan hệ pháp luật thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự, tiến hành các cuộc họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được do đó Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn M tuy vắng mặt nhưng đã có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Nguyễn Thị N và anh Phạm Văn M chung sống có kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân giữa chị N và anh M là hôn nhân hợp pháp. Nay chị Nguyễn Thị N khởi kiện xin ly hôn với anh Phạm Văn M.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N là có cơ sở chấp nhận. Bởi vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc chung trong gia đình và có nghĩa vụ chung sống với nhau để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc nhưng theo lời trình bày của bà Nguyễn Thị N *(tại đơn khởi kiện và bản khai ngày 14/01/2022) (BL 01 - 02)* thì trong cuộc sống hôn nhân giữa chị và anh Phạm Văn M thường xuyên bất đồng quan điểm dẫn đến cự cải nhau, từ đó đời sống vợ chồng không có hạnh phúc, hiện nay mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm đến ai. Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 31/3/2022 *(BL 30)* anh Phạm Văn M cũng xác nhận anh và chị N đã ly thân 5 – 6 năm và không còn liên lạc gì với nhau. Với những mâu thuẫn nêu trên thể hiện tình trạng hôn nhân giữa chị N và anh M đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài. Do đó, căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N, cho chị N ly hôn với anh Phạm Hoàng M.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị N yêu cầu giải quyết cho chị được nuôi cháu Phạm Thị Nguyệt Đ, chị N không yêu cầu anh Phạm Văn M cấp dưỡng nuôi con; cháu Đ có nguyện vọng được sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị N, giao cháu Phạm Thị Nguyệt Đ cho chị Nguyễn Thị N tiếp tục nuôi dưỡng đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi. Anh Phạm Văn M được quyền trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung theo quy định pháp luật.

Trong vụ án này chị Nguyễn Thị N không yêu cầu anh Phạm Hoàng M cấp dưỡng nuôi Phạm Thị Nguyệt Đ nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.3] Về quan hệ tài sản: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị N ly hôn với anh Phạm Văn M

1.2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Nguyệt Đ cho chị Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, kể từ ngày Bản án của Toà án có hiệu lực đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi hoặc đến khi có quyết định của Toà án về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Anh Phạm Văn M chưa phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn M có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Ngoài ra, anh M còn thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3.Về quan hệ tài sản: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị N nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền án phí chị N phải nộp được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số 0013418 ngày 14/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải chịu thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 *(mười lăm)* ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(ĐÃ KÝ)

Huỳnh Ngọc Sương

Nơi nhận:
- Đương sự: 02b
- VKSND huyện Bình Tân: 01b;
- UBND phường An Hòa, quận Bình Thủy, TPCT: 01b;
- CCTHADS huyện Bình Tân: 01b;
- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV&THA): 01b
- Lưu hồ sơ vụ án: 01b